

Số: 113/2022/QĐST-DS

Đức Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 358/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1948

Địa chỉ: 12/12 Tô K, khu phố 2, phường TM, Quận 12, Thành phố H.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1955;

2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Ấp 1B, xã H, huyện Đ, tỉnh L

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1943

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

2. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 76/22 C1/2, đường B H, Phường 13, Quận 6, thành phố H

3. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp 1B, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

4. Ông Huỳnh Công B (chết năm 2016) có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ gồm:

4.1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1957.

4.2. Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1978.

4.3. Ông Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số 1000 Quốc lộ 1A, Khu phố 4, phường T, quận B, thành phố H.

5. Ông Huỳnh Long A (chết năm 2016) có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ gồm:

5.1. Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1953.

5.2. Bà Huỳnh Thị Minh P, sinh năm 1977.

5.3. Bà Huỳnh Thị Phương T, sinh năm 1979.

5.4. Bà Huỳnh Hồng P, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Số 188/32, Nguyễn Văn C, phường A, quận N, TP. C.

6. Ông Huỳnh Công B (chết năm 2016) có những người kế thừa, quyền nghĩa vụ bao gồm:

6.1. Ông Huỳnh Công M, sinh năm 1984.

6.2. Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Số 7, đường Nguyễn Văn T, Khu phố 8, Phường 2, thành phố T, tỉnh L.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Huỳnh Công T cùng vợ bà Nguyễn Thị Ch được nhận diện tích đất 10.000m^2 thuộc thửa 3908 và một phần thửa 1256, thửa 1459, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã H (Diện tích 10.000m^2 ông T, bà Ch được nhận có bao gồm diện tích đất đã bị nhà nước thu hồi để mở Đường tỉnh 830 nối dài). Thửa 3908 do ông Huỳnh Công T đứng tên giấy chứng nhận số AM 797583 cấp ngày 05/6/2008; Thửa 1459 do ông Huỳnh Công T đứng tên giấy chứng nhận số AM 797584 cấp ngày 05/6/2008; Một phần thửa 1256 bà H đứng tên giấy chứng nhận số L 235170 do UBND huyện Đ cấp ngày 12/9/1997.

2. Các con của cụ Huỳnh Văn L (chết năm 1961) và bà Nguyễn Thị H (chết năm 2016) được nhận ký phần thừa kế tại một phần thửa 1256 và thửa 1134 như sau:

2.1. Chi ông Huỳnh Long A do bà Lê Thị Tuyết H và các con Huỳnh Thị Minh P, Huỳnh Thị Phương T, Huỳnh Hồng P đại diện được nhận diện tích 1.383m^2 tại một phần thửa 1256, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã H (vị trí E2 của Bảng trích đo phân khu);

2.2. Bà Huỳnh Ngọc C được nhận diện tích 1.383m^2 tại một phần thửa 1256, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã H (vị trí E3 của Bảng trích đo phân khu);

2.3. Bà Huỳnh Thị S được nhận diện tích 1.383m^2 tại một phần thửa 1256, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã H (vị trí E4 của Bảng trích đo phân khu);

2.4. Chi ông Huỳnh Công B do bà Lê Thị N cùng các con là Huỳnh Công T, Huỳnh Thanh Đ nhận diện tích 1.383m^2 tại một phần thửa 1256, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã H (vị trí E5 của Bảng trích đo phân khu);

2.5. Chi ông Huỳnh Công B do ông Huỳnh Công M, Huỳnh Thanh T nhận diện tích 1.383m^2 tại một phần thửa 1256, một phần thửa 1134 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã H (vị trí E6, F2 của Bảng trích đo phân khu);

2.6. Chi bà Nguyễn Thị A nhận diện tích 1.383m^2 tại một phần thửa 1256, một phần thửa 1134, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã H (vị trí E7, F3 của Bảng trích đo phân khu);

(Thửa 1256, 1134 do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận số L 235170 do UBND huyện Đ cấp ngày 12/9/1997, giấy chứng nhận của bà H do bà C đang quản lý)

3. Các bên thống nhất dành lối đi chung ngang 03m thuộc một phần thửa 1256 để 06 chi nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1256, 1134 có lối đi từ Đường tỉnh 830 nối dài vào các thửa 1256, 1134, lối đi có diện tích $405,1\text{m}^2$ nằm ở hướng đông thửa 1256 và tiếp giáp các thửa 1360, 1257, 1258, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã H (vị trí E1 của Bảng trích đo phân khu);

(Diện tích đất các đương sự nhận tại vị trí A, B, D, E1, E2, E3, E4, E5, E6, E7, F2, F3 của Bảng trích đo phân khu do Công ty TNHH nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 22/9/2022 và tại Mảnh trích đo địa chính số 414-2020 ngày 17/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ phê duyệt);

4. Các bên đương sự có tên nêu trên có nghĩa vụ phối hợp cùng liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất tại vị trí, diện tích được chia nêu trên.

5. Về chi phí định giá:

Bà Huỳnh Ngọc C tự nguyện nộp 20.000.000đồng (18.000.000đồng chi phí trích đo bản vẽ, 2.000.000đồng chi phí thẩm định). Bà C đã nộp và chi phí xong.

Bà Lê Thị Tuyết H, bà Huỳnh Thị S, bà Lê Thị N, chị Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị A phải nộp chi phí định giá, bảng trích đo phân khu tổng cộng là 37.000.000đồng, đại diện mỗi chi nộp 7.400.000đồng. Các đương sự đã nộp đủ và Tòa án đã chi phí xong.

6. Về án phí:

6.1. Bà Huỳnh Ngọc C, bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Công T là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí.

6.2. Bà Lê Thị Tuyết H, bà Lê Thị N, chị Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị A đại diện mỗi chi nộp án phí dân sự hòa giải thành đối với kỷ phần thừa kế được nhận là 3.457.500đồng (diện tích $1.383\text{m}^2 \times 100.000\text{đ}/\text{m}^2$);

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ khấu trừ cho bà Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu số 0003608 ngày 11/9/2019. Bà Nguyễn Thị A còn phải nộp tiếp số tiền 957.500đồng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ khấu trừ cho chị Huỳnh Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu số 0006070 ngày 17/8/2020. Chị Huỳnh Thanh T còn phải nộp tiếp số tiền 957.500đồng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ khấu trừ cho bà Lê Thị Tuyết H (do Huỳnh Thị Minh P, Huỳnh Thị Phương T, Huỳnh Hồng P nộp) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu số 0006123 ngày 25/8/2020. Bà Lê Thị Tuyết H còn phải nộp tiếp số tiền 957.500đồng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ khấu trừ cho bà Lê Thị N (do Huỳnh Công T, Huỳnh Thanh Đ nộp) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu số 0003609 ngày 11/9/2019. Bà Lê Thị N còn phải nộp tiếp số tiền 957.500đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- CC.THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khắc Linh Duy